

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13/7/2020.

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Kim Thoa**.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Cao Châu Tiếp**

2. Bà **Phạm Thị Phượng**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thanh An**, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Liễu**, kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/02/2020 về tranh chấp: “Xin ly hôn”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/6/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 20A/2020/QĐST-DS, ngày 24/6/2020 giữa các đương sự:

- \* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1993. (Có đơn xin vắng mặt)
- Địa chỉ: Số 37/1, khu phố 1, phường M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.
- \* *Bị đơn:* Ông Trương Tiến H, sinh năm 1987. (Vắng mặt)
- Địa chỉ: Số 12/552A, khu phố 1, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:*

Nguyên tôi và ông Trương Tiến H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 18/5/2012 tại UBND thị trấn C (nay là phường M, thị xã C), sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở nhà mẹ chồng tại khu phố 1, phường N được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, ông H thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi, không lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vì

thương con nên tôi không muốn gia đình đổ vỡ mà thời gian qua tôi cố gắng nhường nhịn và khuyên chồng rất nhiều lần nhưng vẫn không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: cho tôi được ly hôn với ông Trương Tiến H.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trương Nguyễn Phương A, sinh ngày 24/5/2013, sau khi ly hôn tôi yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn ông Trương Tiến H đã được tòa án triệu tập hợp lệ các lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản đối với các yêu cầu của phía bà T.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Trương Tiến H là vợ chồng có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H thường xuyên cờ bạc, tụ tập bạn bè, không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, nhận thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông H là trầm trọng đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Về con chung: có 01 con chung tên Trương Nguyễn Phương A, sinh ngày 24/5/2013 bà T yêu cầu nuôi con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung do bà T khai không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Đây là quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Trương Tiến H là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 18/5/2012 tại UBND thị trấn C (nay là phường M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang) là hôn nhân hợp pháp. Bà T trình bày thời gian đầu sau khi đăng ký kết hôn thì bà và ông H chung sống bên gia đình chồng rất hạnh phúc, được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc thường xuyên cãi vã, do ông H không lo làm ăn cải tạo kinh tế gia đình mà hay tụ tập bạn bè, cờ bạc. Mặc dù đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, bà T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Ông Trương Tiến H đã được tòa án triệu tập hợp lệ các lần để dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng ông H vắng mặt không có lý do, cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu xin ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của phía bà T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã phát sinh trong thời gian dài nhưng vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được từ đó xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T khai có 01 con chung tên Trương Nguyễn Phương A, sinh ngày 24/5/2013 hiện đang ở với bà T, sau khi ly hôn bà T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Xét thấy, yêu cầu của bà T là phù hợp nên HĐXX ghi nhận về con chung, cấp dưỡng nuôi con, chấp nhận giao con chung là cháu Phương A cho bà T nuôi dưỡng, buộc ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Phương A tròn 18 tuổi lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: bà T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bà T.

Ông Trương Tiến H vắng mặt không có lý do, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H.

[3] Xét ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định. Ông Trương Tiến H phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm T. Cho bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Trương Tiến H.

2/. Về con chung:

+ Giao cháu Trương Nguyễn Phương A, sinh ngày 24/5/2013 cho bà Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Buộc ông Trương Tiến H phải cấp dưỡng nuôi cháu Phương A mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thực hiện việc cấp dưỡng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, cho đến khi cháu Phương A tròn 18 tuổi lao động được.

Ông Trương Tiến H được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản ông H thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

3/. Về án phí: bà Nguyễn Thị Cẩm T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm; được khấu trừ 300.000 đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00000410 ngày 21/01/2020, xem như bà T đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông Trương Tiến H phải chịu 300.000đ án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

4/. Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Trương Tiến H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND phường M, TXCL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Phan Thị Kim Thoa**